

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **13/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 10-9-2020

V/v: Chia tài sản sau khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Văn Hạnh và Bà Hoàng Thị Hồng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18-8 và 10-9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27/12/2019, về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Lệ X, sinh năm: 1976, có mặt

Địa chỉ: Số 34 Hai Bà Tr, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền cũng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ X:* Luật sư Nguyễn Đình B – Văn phòng Luật sư Đ – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt

Địa chỉ: Số 865A H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Bị đơn:** Ông Tô Tấn Đ, sinh năm: 1976, có mặt

Địa chỉ: Số 419 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

**3. Người làm chứng:** Ông Tô Tấn B, sinh năm 1937, Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 417 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ X trình bày có nội dung:*

Tôi và ông Đ trước kia là vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn ngày 27/7/2001 tại UBND thị trấn B, huyện K (Nay là phường A, thị xã B). Hiện nay chúng tôi đã ly hôn với nhau theo Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B và bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 20/2018/HNGĐ-PT ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất có diện tích 104m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tổ dân phố V, thị trấn B, huyện K ( nay là Tổ dân phố V, phường A, thị xã B) đã được UBND huyện K (nay là thị xã B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ. Tài sản này đã được phân chia theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST và Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 20/2018/HNGĐ-PT nên không đề cập.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3996,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường A, thị xã B, đã được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090534, ngày 29-4-2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X. Nguồn gốc diện tích đất này do chị X và anh Đ mua của ông Tô Tấn B (bố ông Đ) vào khoảng năm 2011 với giá là 60.000.000 đồng. Khi mua bán chỉ nói miệng với nhau, không lập thành văn bản. Đến ngày 21/4/2014 chị X và anh Đ xác lập văn bản công nhận tài sản chung của vợ chồng. Đến ngày 29/4/2014 UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Tô Tấn Đ, bà Huỳnh Thị Lệ X.

Do năm 2011 mua bán đất với ông B không có lập thành văn bản, nên đến ngày 18/4/2014 UBND thị xã B cấp giấy CNQSD đất mang tên một mình ông Đ nên mới có việc lập văn bản công nhận tài sản chung để trong giấy CNQSD đất mang tên ông Tô Tấn Đ, bà Huỳnh Thị Lệ X.

Vì đây là tài sản chung của vợ chồng nên tôi đề nghị Tòa án chia đôi diện tích đất rẫy trên, chia bằng rẫy để tôi có đất canh tác.

*Bị đơn ông Tô Tấn Đ trình bày có nội dung:*

Việc Chị X trình bày về việc ly hôn là đúng. Việc chị X yêu cầu chia Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 3.996,9 m<sup>2</sup>, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, theo giấy CNQSD đất số BU 090534 cấp ngày 29/4/2014. Quan điểm của anh Đ là không đồng ý vì diện tích đất trên do bố tôi ông Tô Tấn B cho tôi khoảng năm 2010, khi cho có thành lập bằng văn bản, đến ngày 18/4/2014 ông Đ được cấp giấy chứng nhận QSD đất, sau đó vợ chồng làm ăn buôn bán để thuận tiện cho việc vay vốn ngân hàng nên ngày 21/4/2014 ông Đ, bà X lập văn bản công nhận tài sản chung và ngày 29/4/2014 ông Đ, bà X được cấp giấy CNQSD đất số BU 090534 cấp ngày 29/4/2014 mang tên Tô Tấn Đ, Huỳnh Thị Lệ X. Ông Đ chỉ đồng ý cho chị X ¼ diện tích đất trên. Ông Đ không chấp nhận yêu cầu của chị X.

*Người làm chứng ông Tô Tấn B trình bày:* Nguồn gốc lô đất này là tôi nhận chuyển nhượng vào năm 1981 với tổng diện tích là 20.939 m<sup>2</sup>. Đến năm 2005 tôi được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất số AC 476283, thửa đất số 695, tờ bản đồ số 09 với diện tích 20.939 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đứng tên hộ ông Tô Tấn B. Đến năm 2012, tôi lập biên bản hợp gia đình cho lại các con ruột, trong đó có con trai là Tô Tấn Đ với diện tích khoảng 4.000 m<sup>2</sup> (4 sào). Đất này tôi cho riêng con trai tôi là Tô Tấn Đ chứ không bán cho ai. Tôi đã cho con trai tôi nên không liên quan gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nay vì lý do sức khỏe tôi từ chối tham gia tố tụng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia  $\frac{1}{2}$  diện tích đất và tài sản trên đất cho bà Huỳnh Thị Lệ X và ông Tô Tấn Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Chia tài sản sau ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Người làm chứng ông Tô Tấn B có đơn trình bày và đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Về chia tài sản:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3996,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường A, thị xã B, đã được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090534, ngày 29-4-2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ (lần 2) thì thửa đất có diện tích 4.066,6 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất bao gồm: Bơ bút ghép 43 cây; chanh đào 57 cây; sầu riêng 01 cây; cây sanh 11 cây; ổi 02 cây; mít 03 cây; Chè 66 cây; Chuối 95 cây; Cau vua 05 cây; Bưởi 03 cây; Tre 02 bụi. Nguồn gốc tài sản bà X cho rằng được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Tô Tấn B với số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) nhưng không lập văn bản giấy tờ gì chứng minh, ông Đ cho rằng nguồn gốc thửa đất này của ông Tô Tấn B tặng cho riêng ông Đ, lời trình bày người làm chứng ông Tô Tấn B cũng cho rằng là tặng cho riêng ông Đ. Tuy nhiên vào năm

2014 ông Đ, bà X đã tự nguyện lập văn bản công nhận tài sản chung của vợ chồng, xác lập hai vợ chồng có quyền lợi như nhau đối với tài sản trên theo quy định pháp luật, được văn phòng công chứng B công chứng vào ngày 21/4/2014, được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090534 ngày 29/4/2014 đứng tên Tô Tấn Đ và Huỳnh Thị Lệ X. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân gia đình xác định Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường A, thị xã B, đã được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090534, ngày 29-4-2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X là tài sản chung vợ chồng. Mặt khác hiện nay hoàn cảnh gia đình bà Huỳnh Thị Lệ X hết sức khó khăn, bà X không có nhà ở, hiện nuôi hai con trong độ tuổi ăn học một đứa học lớp 7, một đứa chuẩn bị vào đại học nên việc chu cấp 1.000.000 đồng/tháng/ đứa không đảm bảo về điều kiện kinh tế nuôi con chung, bà X cũng không có công việc ổn định nên yêu cầu của bà X về việc chia đôi thửa đất rẫy là có cơ sở theo Điều 59 Luật hôn nhân gia đình là phù hợp có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên xét về nguồn gốc thửa đất HĐXX xét thấy thửa đất trên có nguồn gốc từ ông Tô Tấn B tặng cho anh Tô Tấn Đ (theo biên bản họp gia đình lập ngày 14/10/2012) nên ông Tô Tấn Đ nhận được phần đất có giá trị tài sản trên đất cao hơn so với phần diện tích đất có giá trị tài sản trên đất của bà X là phù hợp cụ thể:

Ông Tô Tấn Đ được sở hữu quản lý  $\frac{1}{2}$  diện tích đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường đi cạnh dài 32m; Phía Tây giáp đường đi cạnh dài 30 m; Phía Nam giáp đất bà Huỳnh Thị Lệ X cạnh dài 65,7 m; Phía Bắc giáp đất bà Tô Thị Thanh H cạnh dài 67m, với tổng diện tích là 2.036,6 m<sup>2</sup>, Thửa đất có giá trị 142.562.000 đồng. Tài sản trên đất bao gồm: 27 cây bơ bút giá trị 92.112.000 đồng (24 cây kinh doanh năm 4 loại B giá 91.344.000 đồng, 03 cây năm 03 loại C giá 768.000 đồng); 27 cây chanh đào năm thứ 3 trở lên có giá trị 4.549.000 đồng; 01 cây sầu riêng kinh doanh năm thứ 4 trở lên có giá trị 5.752.000 đồng; 06 cây sanh có giá trị 954.000 đồng; 02 cây ổi kinh doanh năm thứ 3 trở lên có giá trị 372.000 đồng; 02 cây mít có giá trị 1.171.000 đồng; 28 cây chè có giá trị 327.600 đồng; 58 cây chuối có giá trị là 1.218.000 đồng; 05 cau vua có giá trị là 3.490.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 109.945.600 đồng. Vậy tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất mà ông Tô Tấn Đ được chia là 252.507.600 đồng.

Bà Huỳnh Thị Lệ X được sở hữu quản lý  $\frac{1}{2}$  diện tích đất và tài sản trên đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường đi cạnh dài 32m; Phía Tây giáp đường đi cạnh dài 29,8 m; Phía Nam giáp đất bà S cạnh dài 64,4 m; Phía Bắc giáp đất ông Tô Tấn Đ cạnh dài 65,7 m với tổng diện tích 2.030 m<sup>2</sup>, thửa đất có giá trị 142.100.000 đồng. Tài sản trên đất bao gồm: 05 cây sanh có giá trị 795.000 đồng; 01 cây mít kinh doanh năm thứ 3 loại C có giá trị 1.016.000 đồng; 37 cây chuối có giá trị 444.000 đồng; 16 cây bơ bút ghép có giá trị 60.896.000 đồng; 38 cây chè kinh doanh năm thứ 3 có giá trị 444.600 đồng; 30 cây chanh đào kinh doanh năm thứ 3 trở lên có giá trị 5.050.000 đồng; 03 cây bưởi kinh doanh năm thứ 2 trở lên có giá trị 792.000 đồng; 02 bụi tre có giá trị 336.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 69.773.600 đồng. Vậy tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất mà bà Huỳnh Thị Lệ X được chia là 211.873.600 đồng.

Ông Tô Tấn Đ, bà Huỳnh Thị Lệ X có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian từ năm 2018 đến nay, bà X, ông Đ đều cho rằng là người trực tiếp quản lý, chăm sóc thửa đất rẫy trên. Tuy nhiên bà X, ông Đ không có gì chứng minh cho việc là người trực tiếp quản lý, chăm sóc. Mặt khác, tại phiên tòa ông Đ thừa nhận lúc đầu có quản lý nhưng sau đó bỏ hoang không chăm sóc, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không ai có công quản lý chăm sóc thửa đất trên từ năm 2018 cho đến nay nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:* Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Lệ X có đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với tài sản hiện đang có tranh chấp, đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng để thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Qua 02 lần xem xét thẩm định và định giá tài sản); Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ, thành lập Hội đồng định giá để định giá và đã chi phí qua hai lần thẩm định, định giá hết 4.000.000 đồng; đã được chi hết. Bà Huỳnh Thị Lệ X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật do đó ông Tô Tấn Đ phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; bà Huỳnh Thị Lệ X phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Lệ X 2.000.000 đồng sau khi thu được của ông Tô Tấn Đ là phù hợp với các Điều 157; Điều 158; Điều 165 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ X phải chịu 10.593.680 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được phân chia [ cụ thể là: 211.873.600 đồng x 5% = 10.593.680 đồng]; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0004730 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Số tiền án phí còn lại bà Huỳnh Thị Lệ X phải nộp là 6.843.680 đồng. Ông Tô Tấn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được phân chia là 12.625.380 đồng [ cụ thể là: 252.507.600 đồng x 5% = 12.625.380 đồng ] là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ vào: Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Căn cứ vào: Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.*

- *Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ X.

- Bà Huỳnh Thị Lệ X có quyền sở hữu quản lý  $\frac{1}{2}$  diện tích đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01 có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường đi cạnh dài 32m; Phía Tây giáp đường đi cạnh dài 29,8 m; Phía Nam giáp đất bà S cạnh dài 64,4 m; Phía Bắc giáp đất ông Tô Tấn Đ cạnh dài 65,7 m với tổng diện tích 2.030 m<sup>2</sup>, thửa đất có giá trị 142.100.000 đồng. Tài sản trên đất bao gồm: 05 cây sanh có giá trị 795.000 đồng; 01 cây mít kinh doanh năm thứ 3 loại C có giá trị 1.016.000 đồng; 37 cây chuối có giá trị 444.000 đồng; 16 cây bơ bút ghép có giá trị 60.896.000 đồng; 38 cây chè kinh doanh năm thứ 3 có giá trị 444.600 đồng; 30 cây chanh đào kinh doanh năm thứ 3 trở lên có giá trị 5.050.000 đồng; 03 cây bưởi kinh doanh năm thứ 2 trở lên có giá trị 792.000 đồng; 02 bụi tre có giá trị 336.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 69.773.600 đồng. Vậy tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất mà bà Huỳnh Thị Lệ X được chia là 211.873.600 đồng (Hai trăm mười một triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm đồng).

- Ông Tô Tấn Đ có quyền sở hữu quản lý  $\frac{1}{2}$  diện tích đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01 có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường đi cạnh dài 32m; Phía Tây giáp đường đi cạnh dài 30 m; Phía Nam giáp đất bà Huỳnh Thị Lệ X cạnh dài 65,7 m; Phía Bắc giáp đất bà Tô Thị Thanh H cạnh dài 67m, với tổng diện tích là 2.036,6 m<sup>2</sup>, Thửa đất có giá trị 142.562.000 đồng. Tài sản trên đất bao gồm: 27 cây bơ bút giá trị 92.112.000 đồng (24 cây kinh doanh năm 4 loại B giá 91.344.000 đồng, 03 cây năm 03 loại C giá 768.000 đồng); 27 cây chanh đào năm thứ 3 trở lên có giá trị 4.549.000 đồng; 01 cây sầu riêng kinh doanh năm thứ 4 trở lên có giá trị 5.752.000 đồng; 06 cây sanh có giá trị 954.000 đồng; 02 cây ổi kinh doanh năm thứ 3 trở lên có giá trị 372.000 đồng; 02 cây mít có giá trị 1.171.000 đồng; 28 cây chè có giá trị 327.600 đồng; 58 cây chuối có giá trị là 1.218.000 đồng; 05 cau vua có giá trị là 3.490.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 109.945.600 đồng. Vậy tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất mà ông Tô Tấn Đ được chia là 252.507.600 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm đồng).

- Ông Tô Tấn Đ, bà Huỳnh Thị Lệ X có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

#### ***Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:***

Bà Huỳnh Thị Lệ X phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; ông Tô Tấn Đ phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Lệ X 2.000.000 đồng sau khi thu được của ông Tô Tấn Đ.

#### ***Về án phí:***

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ X phải chịu 10.593.680 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được phân chia; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0004730 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Số tiền án phí còn lại bà Huỳnh Thị Lệ X phải nộp là 6.843.680 đồng.

Ông Tô Tấn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được phân chia là 12.625.380 đồng.

***Về quyền kháng cáo:***

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Cao Anh Tuấn**